TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 01 - 2021.
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên** và ông **Phạm Tiến Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu -** Kiểm sát viên.

Trong ngày20tháng01năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số519/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Lê Hải Y, sinh năm 1980; ĐKHKTT: Số 261F, phố Q, phường N, TX, Hà Nội; Hiện tạm trú tại: Số 163F, ngõ 20, phố C, phường TĐ, quận TX, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Viên chức Hội chữ thập đỏ quận TX, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1980; ĐKHKTT: Xóm T, xã TY, C, Hà Nội; Hiện tạm trú: Thôn ĐC, xã TB, huyện C, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Có mặt: Chị Y, anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN: `

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2020, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Lê Hải Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân C tự nguyện kết hôn vào ngày 23/02/2004 tại UBND phường TXN, quận TX, Hà Nội.

Trong thời gian chung sống, ban đầu vợ chồng chị vẫn hạnh phúc, đến năm 2010 thì thường xuyên cãi nhau, anh C không tôn trọng chị, rất coi thường chị, đánh chị rất nhiều lần, thậm chí còn đánh chị trước mặt các con. Ảnh chị cung cấp cho Tòa án khi bị chấn thương là do anh C đánh chị lần sau cùng, nên chị mới làm đơn ly hôn. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là: Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/2006; Nguyễn Hà A, sinh ngày 27/9/2008. Hiện nay hai cháu đều đang ở với chị. Nếu được ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 3.500.000 đồng/tháng.

Hiện nay chị đang làm kế toán tại Hội chữ thập đỏ quận Đ, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi hai con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Nguyễn Xuân C trình bày**: Anh và chị Lê Hải Y tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2004 tại UBND phường TXN, quận TX, Hà Nội.

Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có đánh nhau như chị Y trình bày, nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do công việc của anh rất cần chị Y chia sẻ, nhưng chị Y lại có những ứng xử không hợp lý, anh đã khuyên bảo rất nhiều lần, chị Y không nghe, còn cãi lại anh nên anh mới đánh chị Y.

Khoảng tháng 10/2019, xưởng kinh doanh của anh bị đốt cháy, chị Y biết chuyện nhưng không hỏi han đến xưởng cháy thế nào, chị Y chỉ đến Xưởng xem xét, rồi lại đi công tác dẫn đến anh bức xúc. Khi chị Y đi công tác về, hai vợ chồng mâu thuẫn nên anh mới đánh chị Y như hình ảnh chị Y chụp gửi cho Tòa án. Chị Y còn báo Công an phường H, quận HĐ. Sau thời điểm vợ chồng mâu thuẫn thì anh và chị Y muốn vợ chồng có thời gian suy nghĩ nên đã không chung sống cùng nhau. Anh không muốn vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Y có hai con chung là: Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/2006; Nguyễn Hà A, sinh ngày 27/9/2008. Hiện hai con chung đang ở cùng chị Y. Do anh chưa đồng ý ly hôn nên anh không thể hiện quan điểm về con chung.

Về tài sản chung,công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Nguyễn Phương A, Nguyễn Hà A: Đều thể hiện quan điểm muốn ở với chị Y.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung. Chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh C vì chị rất sợ anh C, không dám ở gần anh C nữa, do anh C suốt ngày đe dọa đánh chị.

- Bị đơn – Anh C: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, vì anh thấy chị Y rất thật thà, chung thủy với anh và anh muốn các con được chung sống với cả bố, cả mẹ. Anh thừa nhận việc anh đánh chị Y là sai, nhưng vì anh muốn dạy bảo chị Y, chứ không phải bạo lực gia đình. Trước khi vợ chồng bán nhà tại chung cư Tô Hiệu, HĐ thì anh cũng có ý định về ở với mẹ con chị Y, mong muốn vợ chồng hiểu nhau nhưng chị Y vẫn không chịu thay đổi tính cách, nên vợ chồng lại mâu thuẫn, anh lại không về ở cùng với chị Y nữa. Trong trường hợp phải ly hôn, thì anh đồng ý để chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung vì chị Y nuôi dạy, chăm sóc học hành cho các con rất chu đáo. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị Hội đồng xét xem xét mức cấp dưỡng nuôi các con vì thu nhập của anh không ổn định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Đề nghị cho chị Y được ly hôn với anh C. Đề nghị giao 02 con chung cho chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Đề nghị buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Hội đồng xét xử cân nhắc mức cấp dưỡng đối với anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Hải Y có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Xuân C về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh C có hộ khẩu thường trú tại xã TY, huyện C và tạm trú tại xã TB, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên

Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hải Y và anh Nguyễn Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2004 tại UBND phường TXN, quận TX, Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay cả chị Y và anh C đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh cãi nhau. Anh C không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng và hơn nữa anh C còn thừa nhận việc đánh chị Y là để dạy dỗ chị Y; còn chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn vì có tâm lý sợ chung sống cùng anh C sẽ tiếp tục bị đánh. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Y và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Y được ly hôn với anh C.

[2.2]Về con chung: Anh C và chị Y có hai con chung là: Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/2006; Nguyễn Hà A, sinh ngày 27/9/2008.

Chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con, anh C cũng có quan điểm để chị Y nuôi dưỡng hai consẽđảm bảo và tốt nhất, nếu vợ chồng ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của các bên phù hợp với quy định Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình nên giao cháu Nguyễn Phương A, Nguyễn Hà A cho Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, nên đã yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng: Chị Y yêu cầu anh C cấp dưỡng là 3.500.000 đồng/ tháng/01 cháu, anh C đề nghị xem xét mức cấp dưỡng. Xét thấy chị Y có thu nhập ổn định, còn anh C thu nhập không ổn định, nên buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000đồng/cháu/tháng, kể từ ngày 01/02/2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Y và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí:

[3.1] Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

[3.2] Anh C phải chịu án dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Lê Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung: Chị Lê Hải Y và anh Nguyễn Xuân C có hai con chung là: Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/5/2006; Nguyễn Hà A, sinh ngày 27/9/2008.

Giao cháu Nguyễn Phương A và Nguyễn Hà A cho chị Lê Hải Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Lê Hải Y và anh Nguyễn Xuân C đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung : Buộc anh Nguyễn Xuân C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phương A và Nguyễn Hà A cho chị Lê Hải Y, mỗi cháu là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/02/2021 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung; công nợ chung: Chị Y và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Chị Lê Hải Y phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2018/10310 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 16/11/2020.

2.2. Anh Nguyễn Xuân C phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./..

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND phường TXN (Số 25/2004);
- Lưu: Hồ sơ/V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai